

Bản án số: 20/2022/DS-ST

Ngày: 13-4-2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Phước

2. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2021, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Huỳnh T, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 146 ấp HP, xã ĐT, huyện ThS, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Bà Lê Như Nhựt U, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BS, thị trấn NS, huyện ThS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Huỳnh T trình bày:*

Ngày 23/12/2018, bà Lê Như Nhựt U vay của ông T số T 5.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau trả, thỏa thuận lãi suất mỗi tháng 250.000 đồng (tương đương 5%/tháng), khi vay có làm biên nhận. Đến ngày 23/01/2019, bà U chỉ trả được 1.000.000 đồng, số T nợ còn lại hẹn mỗi tháng góp 1.000.000 đồng đến khi hết nợ nhưng sau đó bà U

không thực hiện như cam kết. Đến nay, bà U cũng không thanh toán nợ gốc và lãi như thỏa thuận, do đó ông T khởi kiện yêu cầu bà U trả số T nợ gốc 4.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 29/01/2019 đến khi Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Lê Như Nhược U để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà U vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà U cũng như không tiến hành hòa giải được.

Tòa án ban hành thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và đã thông báo cho bà U biết để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình nhưng bà U không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Huỳnh T yêu cầu chỉ bà U thanh toán T nợ gốc là 4.000.000 đồng và rút lại yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Như Nhược U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà U vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T, buộc bị đơn là bà Lê Như Nhược U có nghĩa vụ trả cho ông T số T nợ gốc là 4.000.000; không xem xét lãi suất do đương sự đã rút lại yêu cầu.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Huỳnh T khởi kiện yêu cầu bà Lê Như Nhược U trả tiền vay, vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Lê Như Nhược U có hộ khẩu thường trú tại ấp BS, thị trấn NS, huyện ThS, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang thụ lý vụ án dân sự và giải quyết là đúng quy định tại Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn là bà Lê Như Nhược U vắng mặt không lý do; đồng thời, bà U đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, bà U đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định

tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*[2] Xét nội dung tranh chấp:*

[2.1] Về đánh giá chứng cứ: Bà Lê Như Nhược U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án hoặc có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Huỳnh T và cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để thể hiện việc phản bác hay chấp nhận đối với yêu cầu của ông T. Vì vậy, theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do ông T giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được để giải quyết vụ án.

[2.2] Xét nội dung “Giấy mượn tiền” do ông Nguyễn Huỳnh T cung cấp thể hiện: bà U vay của ông T số tiền 5.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày, theo ông T là từ ngày 23/12/2018 (DL) đến 23/01/2019 (DL) chứ không phải 23/01/2018 (DL), do biên nhận viết nhầm là 2018, thỏa thuận lãi suất 250.0000 đồng/tháng, bà U có ký và ghi họ tên ở mục người mượn tiền. Đến hạn thanh toán, bà U chỉ trả được 1.000.000 đồng, chốt sổ ngày 29/01/2019, số nợ còn lại 4.000.000 đồng hẹn mỗi tháng góp 1.000.000 đồng đến khi thanh toán hết, nhưng sau đó bà U không thực hiện như cam kết, đến nay vẫn chưa trả vốn và lãi. Do bà U không thực hiện nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông T, nên ông T khởi kiện yêu cầu bà U có trách nhiệm thanh toán tiền nợ gốc 4.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu tính lãi: Tại phiên tòa, ông T tự nguyện rút yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Như vậy, bà U phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền nợ gốc là 4.000.000 đồng.

*[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:* Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

*[4] Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ Điều 357, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Huỳnh T với bị đơn là bà Lê Như Nhược U.

Buộc bà Lê Như Nhượng U có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Huỳnh T số tiền 4.000.000 (*Bốn triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thanh toán xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản T lãi của số T còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Như Nhượng U phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền án phí sơ thẩm. Ông Nguyễn Huỳnh T được nhận lại 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008664 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Các đương sự không phải chịu chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Linh**